

Bản án : 220/2021/DS-ST

Ngày : 06 - 11 - 2021

*“Tranh chấp hợp đồng dân sự,
vay tài sản, hui”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Bờ

Bà Trương Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuỳ Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 06/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hui”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2021/QĐST ngày 21 tháng 6 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian số: 1150/2021/TB-TA ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà TTKL, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ 2, ấp Mỹ Thuận, xã MP, huyện CP, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà CTĐ, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp Mỹ Thuận, xã MP, huyện CP, tỉnh An Giang (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà CTĐ: Luật sư Thái Thị Diễm Trúc – Công ty Luật TNHH MTV TNHH Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: Số 104 đường Lê Hồng Phong, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà TTKL trình bày:

Bà Đ có tham gia dây hụi 1.000.000đ do bà làm chủ, có 27 hụi viên, 60 phần, bà Đ tham gia 03 phần, hụi khai lần đầu vào ngày 21/4/2016 âm lịch (ngày 27/5/2016 dương lịch), kết thúc vào ngày 06/9/2019 âm lịch (ngày 04/10/2019 dương lịch), hụi khai mỗi tháng 02 lần vào ngày 06 và 21 âm lịch, bà Đ đã hốt 03 phần vào các ngày 06/12/2016 âm lịch (03/01/2017 dương lịch) với số tiền 45.212.000 đồng; ngày 21/12/2016 âm lịch (18/01/2017 dương lịch) với số tiền 45.342.000 đồng; ngày 06/3/2017 âm lịch (02/4/2017 dương lịch) với số tiền 47.632.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà Đ không góp hụi lại cho bà nên bà phải lấy tiền của bà giao cho các hụi viên khác hốt hụi, số tiền bà Đ còn nợ dây hụi này là 27.000.000 đồng.

Trước đây bà khởi kiện yêu cầu 104.000.000 đồng là do bà tính luôn phần hụi của bà La Thị Mỹ L (con bà Đ). Hôm nay bà rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần nợ hụi của bà La Thị Mỹ L, bà chỉ yêu cầu bà Đ trả 27.000.000 đồng đối với số tiền nợ hụi của dây hụi 02/4/2017 và yêu cầu tính lãi theo quy định kể từ ngày 07/9/2019 âm lịch (05/10/2019 dương lịch) đến khi bà Đ trả hết nợ hụi cho bà.

Ngoài ra, bà có cho bà Đ vay nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 01/4/2016 âm lịch (27/5/2016 dương lịch), 10 triệu đồng;
 Ngày 01/10/2016 âm lịch (31/10/2016 dương lịch) 10 triệu đồng;
 Ngày 21/11/2016 âm lịch (19/12/2016 dương lịch) 14 triệu đồng;
 Ngày 24/11/2016 âm lịch (22/12/2016 dương lịch) 10 triệu đồng;
 Ngày 05/12/2016 âm lịch (02/01/2017 dương lịch) 10 triệu đồng;
 Ngày 20/5/2017 âm lịch (14/6/2017 dương lịch) 10 triệu đồng;
 Ngày 30/6/2017 âm lịch (23/7/2017 dương lịch) 10 triệu đồng.

Thời hạn vay là khi nào bà cần tiền thì báo trước cho bà Đ biết trước vài ngày, thỏa thuận lãi là 4%/tháng nhưng bà Đ chưa trả lãi được đồng nào.

Tổng cộng tiền vay là 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng) yêu cầu tính lãi theo quy định kể từ ngày 01/7/2017 âm lịch (22/8/2017 dương lịch) đến khi bà Đ trả hết nợ cho bà.

Quá trình giải quyết bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền vay 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng), bà chỉ yêu cầu bà Đ trả bà 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định kể từ ngày 01/7/2017 âm lịch (22/8/2017 dương lịch) đến khi bà Đ trả hết nợ cho bà.

Bị đơn bà Đ trình bày: Bà có tham gia dây hụi khui ngày 21/4/2016 và hốt hụi như trình bày của bà L nhưng dây hụi này bà đã đóng đầy đủ cho bà L đến khi kết thúc dây hụi nên không có nợ bà L phần nợ hụi này.

Đồng thời, bà thừa nhận bà chỉ còn nợ bà L 02 dây hụi khui ngày 22/8/2017 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng/nửa tháng khui một lần có 45 phần, dây này còn 4 lần chưa góp là 8.000.000 đồng; dây hụi khui ngày 29/11/2017 hụi 1 triệu 60 phần nửa tháng khui một lần dây này còn nợ 96.000.000 đồng. Tổng số tiền còn nợ bà L đối với hai dây hụi này là 104.000.000 đồng. Đây là phần nợ của bà chứ không phải của bà Loan (con bà). Do bà L không kiện bà phần nợ này nên bà không thừa nhận còn nợ bà L phần nợ này.

Đối với tiền vay thì bà không có nợ tiền vay như trình bày của bà L mà bà chỉ nợ tiền vay 20.000.000 đồng do bà vay vào ngày 11/5/2017 âm lịch, bà đồng ý trả 20.000.000 đồng, bà có đóng lãi đến tháng 20/5/2019 âm lịch với lãi suất 4%/ một tháng, mức lãi suất này cao so với quy định của pháp luật nên bà yêu cầu Tòa án xem xét lại phần đóng vượt quá quy định để khấu trừ vào phần nợ gốc, đồng thời yêu cầu không tiếp tục tính lãi. Việc trả lãi không có làm biên nhận, bà không có chứng cứ chứng minh.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Các đương sự thống nhất các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án thu thập, các đương sự cung cấp là hợp pháp và được Tòa án chấp nhận, do đó Tòa án sẽ xem xét làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên hòa giải ngày 27/02/2021, các đương sự thống nhất là bà Đ còn nợ bà L 20.000.000 đồng kể từ ngày 11/5/2017 âm lịch và tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 11/5/2017 đối với tiền vay; còn đối với tiền nợ hụi: Bà L cho rằng bà Đ còn nợ dây hụi ngày 21/4/2016 với số tiền là 27.000.000 đồng. Bà Đ cho rằng dây hụi ngày 21/4/2016 bà đã đóng đủ, bà chỉ nợ 02 dây hụi năm 2017 là 104.000.000 đồng, phần nợ này là của bà chứ không phải của bà Loan. Do bà L không kiện bà phần nợ 104.000.000 đồng nên bà không thừa nhận bà còn nợ bà L phần nợ này.

Tại phiên toà,

Nguyên đơn bà L: Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ hụi là 104.000.000 đồng của dây hụi ngày 22/8/2017 âm lịch; rút lại yêu cầu tiền nợ hụi 27.000.000 đồng của dây hụi ngày 06/3/2017 âm lịch. Chỉ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 20.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 11/5/2017 âm lịch cho đến khi xét xử, lãi suất theo quy định pháp luật.

Bị đơn, thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thừa nhận còn nợ tiền vay của nguyên đơn là 20.000.000 đồng, đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đ: Thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn, không có ý kiến bổ sung.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm;

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bà L rút lại yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ hui là 104.000.000 đồng của dây hui ngày 22/8/2017 âm lịch; rút lại yêu cầu tiền nợ hui 27.000.000 đồng của dây hui ngày 06/3/2017 âm lịch, là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối phần yêu cầu đã rút. Đối với yêu cầu khởi kiện tiền vay 20.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 11/5/2017 âm lịch cho đến khi xét xử, lãi suất theo quy định pháp luật, bị đơn bà Đ thừa nhận, thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền vay 20.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 11/5/20217 đến ngày xét xử.

Về án phí và quyền kháng cáo xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toàn và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đ trả số tiền vay, hui đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Bà Đ có nơi cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thời hiệu: Đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét là đúng theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Xét việc rút yêu cầu khởi kiện: Bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện CTĐ trả số tiền hui 104.000.000đ (Một trăm lẻ bốn triệu đồng) và số tiền vay 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà L là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy

định của luật, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối phần yêu cầu đã rút.

[2] Về nội dung:

[2.1.] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vay

Bà L và bà Đ thống nhất bà Đ còn nợ bà L số tiền vay là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà Đ đồng ý trả số tiền này;

Về tiền lãi: Bà Đ đồng ý trả lãi cho L trên số tiền 20.000.000đ, tính kể từ ngày 11/5/2017 âm lịch nhằm ngày 05/6/2017 đến ngày 06/11/2021 dương lịch với mức lãi suất là 10%/năm, cụ thể: 20.000.000đ X 10% X 4 năm 05 tháng 01 ngày = 8.840.000đ. Đồng thời tiếp tục tính lãi kể từ ngày 07/11/2021 đến khi trả hết vốn vay với mức lãi suất 10%/năm.

Các đương sự đã thống nhất thoả thuận đối với phần nợ tiền vay, lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của bà L và bà Đ, bà Đ có trách nhiệm trả cho bà L 20.000.000 đồng, lãi 8.840.000 đồng; bà Đ tiếp tục trả lãi kể từ ngày 07/11/2021 đến khi trả hết nợ vay với mức lãi suất 10%/năm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà L được chấp yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 20.000.000 đồng nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay, hội nên được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 2 Điều 227 và Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà TTKL đối với việc yêu cầu bà CTĐ trả số tiền hội 104.000.000đ (Một trăm lẻ bốn triệu đồng) và số tiền vay 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng).

2. Công nhận thỏa thuận giữa bà TTKL và bà CTĐ:

Bà CTĐ có nghĩa vụ trả cho bà TTKL số tiền vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); tiền lãi 8.840.000đ (Tám triệu tám trăm bốn mươi đồng). Bà CTĐ có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi kể từ ngày 07/11/2021 đến khi trả hết nợ vay với mức lãi suất 10%/năm.

3. Về án phí:

Bà CTĐ phải chịu 1.442.000đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà TTKL được nhận lại 4.450.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006110 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Phú.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Chi cục THA DS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh